TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09-9-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

Ông Lê Quang Xẹt.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh– Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Lệ T, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ A, ấp V, xã T, thị xã U, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn M, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ A, ấp V, xã T, thị xã U, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Lệ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ T và ông Lê Văn M chung sống với nhau từ năm 2000 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện (nay là thị xã) U theo giấy chứng nhận kết hôn số 36/2002, quyển số 01 ngày 16-4-2002. Trong cuộc sống thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn M.

Về con chung: Bà T và ông M có một con chung là Lê Anh P, sinh ngày 13-8-2002, hiện đang sống cùng ông M, con chung đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 8 năm 2019, bị đơn ông Lê Văn M trình bày: Ông M thống nhất theo phần trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống, kết hôn và con chung. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009. Do vậy, trước yêu cầu ly hôn của bà T, ông M đồng ly hôn. Về con chung hiện đang sống cùng ông M và đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, tài sản chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lệ T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ T và bị đơn ông Lê Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ T và ông Lê Văn M chung sống với nhau vào năm 2000 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện (nay là thị xã) U theo giấy chứng nhận kết hôn số 36/2002, quyển số 01 ngày 16-4-2002, là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, bà T và ông M không còn sống chung từ năm 2011 đến nay, quá trình tố tụng tại Tòa án, ông M từ chối hòa giải, đề nghị giải quyết vắng mặt cho thấy ông M không thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời bà T và ông M đều xác định không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn, do vậy có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông

M mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Điều Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Thị và ông M có một con chung là Lê Anh P, sinh ngày 13-8-2002. Xét thấy, con chung đã trưởng thành và đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Lệ T phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ T đối với ông Lê Văn M.

1.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ T được ly hôn với ông Lê Văn M.

1.2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0036981 ngày 09-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết